

QUỸ ETF SSIAM VNX50**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM****Independence - Freedom - Happiness**Số/No. **AB**/2018/TB-SSIAM-NVQ

Hà Nội, ngày 05 tháng 09 năm 2018

Ha Noi, 05 September 2018

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI****ANNOUNCEMENT
AFTER EXCHANGE TRADING**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM
To: Hochiminh Stock Exchange

- Tên CTQLQ/ Fund Management company: Công ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI
- Tên Ngân hàng giám sát/ Supervisory Bank: Ngân hàng BIDV, chi nhánh Hà Thành
- Tên Quỹ ETF/ ETF name: Quỹ ETF SSIAM VNX50
- Mã chứng khoán/ Securities symbol: FUESSV50
- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange date: **04/09/2018**
- Đơn vị tính lô: 1 lô ETF tương đương: 100.000 chứng chỉ quỹ ETF
Unit: 1 lot of ETF = 100,000 ETF certificates

Danh mục đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ Basket of Components securities and cash component:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities symbol	Volume	Weighting
I	Chứng khoán/Stock		
1	ACB	2.000	5,8%
2	ASM	290	0,3%
3	BID	340	0,9%
4	BMP	80	0,3%
5	BVH	140	1,0%
6	CII	370	0,7%
7	CTD	90	1,1%
8	CTG	740	1,5%
9	DCM	260	0,2%
10	DHG	90	0,6%
11	DPM	310	0,4%
12	DXG	520	1,1%
13	FLC	1.150	0,6%
14	FPT	990	3,3%
15	GAS	200	1,5%
16	GMD	320	0,6%
17	GTN	330	0,3%



18	HBC	300	0,5%
19	HCM	110	0,5%
20	HPG	2.590	7,7%
21	HSG	500	0,4%
22	ITA	1.330	0,3%
23	KBC	710	0,6%
24	KDC	250	0,6%
25	MBB	2.410	4,3%
26	MSN	860	6,1%
27	MWG	430	3,8%
28	NKG	160	0,2%
29	NLG	230	0,5%
30	NVL	640	3,1%
31	PDR	220	0,4%
32	PLX	230	1,2%
33	PNJ	230	1,8%
34	PVD	380	0,4%
35	PVS	400	0,6%
36	REE	340	0,9%
37	ROS	280	0,9%
38	SAB	190	3,2%
39	SBT	550	0,8%
40	SHB	2.000	1,3%
41	SSI	620	1,5%
42	STB	3.480	2,9%
43	VCB	730	3,4%
44	VCG	200	0,3%
45	VCI	200	0,9%
46	VGC	400	0,6%
47	VIC	1.190	9,2%
48	VJC	550	6,4%
49	VNM	730	8,5%
50	VPB	3.000	5,8%
II	Tiền/Cash	5.728.048 VND	

- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ *Spread between a basket and one lot of ETF in value:*

- + Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/*Basket in value* 1.337.236.200 VND
- + Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ *Value per lot of ETF* 1.342.964.248 VND
- + Giá trị chênh lệch/ *Spread in value* 5.728.048 VND
- + Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch / *Plan to reduce the spread*
- Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/*With creation order*: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ *Transfer cash component*

- Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ *With redemption order*: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ *Receive cash component after subtracting tax and redemption fee*
- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/
In case, stock can be replaced by cash, state reason:

STT	Mã Chứng Khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)	Đối tượng áp dụng	Lý do
1	BVH	92.500	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4 a Thông tư 210/2012/TT-BTC Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC
2	SSI	31.600	SSI	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch Treasury stock not yet registered for trading
3	VCB	62.500	VCBS	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4 a Thông tư 210/2012/TT-BTC Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC
4	ACB	39.100	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
5	CTG	27.150	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
6	FPT	44.200	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
7	GMD	26.450	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
8	MBB	23.700	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>



9	MWG	120.000	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
10	NLG	31.000	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
11	PNJ	103.100	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
12	REE	35.800	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
13	VPB	25.900	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This Period (04/09/2018)	Kỳ trước/Last Period (31/08/2018)	Chênh lệch/ Change
Số lô đã phát hành thêm/ Creation Units were issued	0	0	0
Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	0	0	0
Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Outstanding shares	9.700.000	9.700.000	0
Giá đóng cửa (VND/ccq)/ Close price	13.500	13.700	-200
Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ Net Asset Value at Valuation Date			
<i>của quỹ ETF/ of the Fund</i>	<i>130.267.532.148</i>	<i>131.189.715.652</i>	<i>-922.183.504</i>
<i>của 1 lô CCQ ETF/ per Creation Unit</i>	<i>1.342.964.248</i>	<i>1.352.471.295</i>	<i>-9.507.047</i>
<i>của 1 CCQ/ per Share</i>	<i>13.429,64</i>	<i>13.524,71</i>	<i>-95,07</i>
Chỉ số tham chiếu/ Tracking Index	1497,04	1525,14	-28,10

